

HIỀN TÀI⁽¹⁾ LÀ NGUYÊN KHÍ⁽²⁾ CỦA QUỐC GIA

THÂN NHÂN TRUNG

TIỂU DẪN

Tác phẩm nguyên có tên là *Bài kí đề danh tiến sĩ⁽³⁾ khoa Nhâm Tuất niên hiệu Đại Bảo⁽⁴⁾ thứ ba* (Đại Bảo tam niên Nhâm Tuất khoa tiến sĩ đề danh kí). Đây là một trong 82 bài văn bia ở Văn Miếu Hà Nội, do Tiến sĩ Thân Nhân Trung viết năm 1484 thời Hồng Đức. Trước phần trích học có một đoạn dài kể rằng, từ khi Thái Tổ dựng nước (1428) đến năm 1484, các vua Lê tuy đều chú ý bồi dưỡng hiền tài nhưng chưa có điều kiện dựng bia tiến sĩ. Cuối phần trích là danh sách ba mươi ba vị đỗ tiến sĩ khoa Nhâm Tuất (1442).

Thân Nhân Trung (1418 - 1499), tên chữ là Hậu Phủ, người Yên Ninh, Yên Dũng, nay thuộc tỉnh Bắc Giang. Ông đỗ tiến sĩ năm 1469, từng là thành viên trong Hội Tao đàn do Lê Thánh Tông sáng lập. Ngoài văn bia, Thân Nhân Trung còn sáng tác thơ.

*
* * *

[...]

Tôi đầu nóng cạn vụng về, nhưng đầu dám từ chối, xin kính cẩn chấp tay cúi đầu mà làm bài kí rằng :

"Hiền tài là nguyên khí của quốc gia", nguyên khí thịnh thì thế nước mạnh, rồi lên cao, nguyên khí suy thì thế nước yếu, rồi xuống thấp. Vì vậy các đấng thánh đế minh vương⁽⁵⁾ chẳng ai không lấy việc bồi dưỡng nhân tài, kén chọn kẻ sĩ, vun trồng nguyên khí làm việc đầu tiên. Kẻ sĩ quan hệ với quốc gia trọng đại như thế, cho nên quý chuộng kẻ sĩ không biết thế nào là cùng. Đã yêu mến cho khoa danh⁽⁶⁾, lại đề cao bằng tước trật⁽⁷⁾.

(1) *Hiền tài* : người tài cao, học rộng và có đạo đức.

(2) *Nguyên khí* : chất làm nên sự sống còn và phát triển của đất nước, xã hội.

(3) *Đề danh tiến sĩ* : ghi họ tên người đỗ tiến sĩ.

(4) *Đại Bảo* : niên hiệu vua Lê Thái Tông những năm 1440 - 1442 ; *Đại Bảo thứ ba* : năm 1442.

(5) *Thánh đế minh vương* : vua tài năng, chúa sáng suốt.

(6) *Khoa danh* : danh tiếng của người đỗ đạt.

(7) *Tước trật* : chức tước và cấp bậc.

Ban ân rất lớn mà vẫn cho là chưa đủ. Lại nêu tên ở tháp Nhạn⁽¹⁾, ban danh hiệu Long hổ⁽²⁾, bày tiệc Văn hi⁽³⁾. Triều đình mừng được người tài, không có việc gì không làm đến mức cao nhất.

Nay thánh minh lại cho rằng, chuyện hay việc tốt tuy có một thời lòng lấy, nhưng lời khen tiếng thơm chưa đủ lưu về sáng lâu dài, cho nên lại dựng đá để danh đặt ở cửa Hiền Quan⁽⁴⁾, khiến cho kẻ sĩ trông vào mà phấn chấn hăm mộ, rèn luyện danh tiết, gắng sức giúp vua. Há chỉ là chuộng văn suông, ham tiếng hão mà thôi đâu.

Ôi, kẻ sĩ chốn trường ốc⁽⁵⁾ lều tranh, phận thật nhỏ mọn mà được triều đình đề cao rất mực như thế, thì họ phải làm thế nào để tự trọng tấm thân mà ra sức báo đáp ?

Hãy đem họ tên những người đỗ khoa này mà điểm lại. Có nhiều người đã đem văn học, chính sự ra tô điểm cho cảnh trị bình suốt mấy chục năm, được quốc gia tin dùng. Cũng không phải không có những kẻ vì nhận hối lộ mà hư hỏng, hoặc rơi vào hàng ngũ bọn gian ác, có lẽ vì lúc sống họ chưa được nhìn tấm bia này. Ví thử hồi đó được mắt thấy thì lòng thiện tràn đầy, ý xấu bị ngăn chặn, đâu còn dám nảy sinh như vậy được ? Thế thì việc dựng tấm bia đá này ích lợi rất nhiều : kẻ ác lấy đó làm răn, người thiện theo đó mà gắng, dẫn việc dĩ vãng, chỉ lối tương lai, vừa để rèn giũa danh tiếng cho sĩ phu, vừa để củng cố mệnh mạch⁽⁶⁾ cho nhà nước. Thánh thần⁽⁷⁾ đặt ra đâu phải là vô dụng. Ai xem bia nên hiểu ý sâu này" [...].

Theo bản dịch của Viện Sử học,
có tham khảo bản dịch của NGUYỄN VĂN TỐ
(*Văn bia Hà Nội*, tập I, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 1978)

HƯỚNG DẪN ĐỌC THÊM

1. Giải thích câu : "Hiền tài là nguyên khí của quốc gia". Hiền tài có quan hệ như thế nào đối với vận mệnh nước nhà ?
2. Dựa vào đoạn trích, hãy chứng minh rằng : "Triều đình mừng được người tài, không có việc gì không làm đến mức cao nhất".

(1) *Tháp Nhạn* : tên một ngọn tháp ở Trung Hoa, từ đầu thế kỉ VIII nhà Đường dùng để khắc tên những người đỗ tiến sĩ.

(2) *Long hổ* : (rồng và hổ) bảng ghi tên người đỗ tiến sĩ. *Ban danh hiệu Long hổ* : ban danh hiệu tiến sĩ.

(3) *Tiệc Văn hi* : tiệc mừng người mới thi đỗ tiến sĩ.

(4) *Cửa Hiền Quan* : ở đây chỉ trường Quốc Tử Giám.

(5) *Trường ốc* : nơi học hành thi cử.

(6) *Mệnh mạch* : tính mệnh và huyết mạch, hai thứ trọng yếu nhất của con người ; ở đây, mệnh mạch dùng để chỉ vận mệnh đất nước.

(7) *Thánh thần* : ở đây chỉ Lê Thánh Tông.

3. Việc dựng bia "đề danh tiến sĩ" ở Văn Miếu nhằm mục đích gì ?
4. Mở đầu đoạn trích, tác giả khẳng định vai trò "nguyên khí" của hiền tài đối với quốc gia và kết thúc lại khẳng định vai trò "củng cố mệnh mạch cho nhà nước". Lời kết cấu này có tác dụng gì ?

TRI THỨC ĐỌC - HIỂU

Văn bia

Văn bia là loại văn khắc trên mặt đá nhằm ghi chép những sự việc trọng đại hoặc tên tuổi, cuộc đời của những người có công đức lớn để lưu truyền cho đời sau. Bia có ba loại chính : bia ghi công đức, bia ghi việc xây dựng các công trình kiến trúc và bia lăng mộ.

Bia ghi công đức thường có ba phần : thứ nhất là *tự* (kể), nêu lí do, quá trình làm bia, sự tích nhân vật được khắc vào bia ; thứ hai, viết bằng văn vần tóm lược nội dung tự sự ở trên để người đọc dễ ghi nhớ, phần này còn gọi là *minh* (ghi nhớ) ; thứ ba là phần lạc khoản ghi ngày tháng, họ tên người làm bia (viết bằng văn xuôi). Dần dần phần *tự* trở thành nội dung quan trọng nhất, thể hiện tư tưởng, quan điểm của người dựng bia.

Bài kí đề danh tiến sĩ khoa Nhâm Tuất niên hiệu Đại Bảo thứ ba giữ vai trò quan trọng như một lời tựa chung cho cả 82 tấm bia tiến sĩ ở Văn Miếu Hà Nội.

Bia đề danh ở Việt Nam khá phong phú, gồm bia đề danh ở cấp trung ương và bia đề danh ở cấp địa phương. Cấp trung ương có bia Văn Miếu Hà Nội (gồm 82 bia) và bia Văn Miếu Huế (gồm 32 bia tiến sĩ hàng văn). Về sau có thêm bia đề danh cấp địa phương ghi tên những người đỗ đạt của địa phương mình. Cấp tỉnh có bia Văn Miếu Bắc Ninh và bia Văn Miếu Hưng Yên. Ngoài ra các cấp phủ, thậm chí cấp tổng, xã, thôn cũng dựng bia đề danh ; nhưng từ cấp phủ trở xuống, ngoài tên những người đỗ tiến sĩ, người ta còn ghi cả tên những người đỗ cử nhân và tú tài.

PHẨM BÌNH NHÂN VẬT LỊCH SỬ

(Trích *Đại Việt sử kí toàn thư*)

LÊ VĂN HƯU

TIỂU DẪN

Đại Việt sử kí do Lê Văn Hữu hoàn thành năm 1272 gồm 30 quyển và là một trong những cơ sở quan trọng giúp nhóm tác giả Ngô Sĩ Liên biên soạn *Đại Việt sử kí toàn thư*. Tác phẩm của Lê Văn Hữu hiện đã thất lạc, chỉ còn 31 đoạn dưới dạng *bình sử* do nhóm Ngô Sĩ Liên ghi lại trong *Đại Việt sử kí toàn thư*. Ở đây trích 4 trong số 31 đoạn này.

Lê Văn Hưu (1230 - 1322), người làng Phủ Lý, Đông Sơn (nay là thôn Phủ Lý Trung, xã Thiệu Trung, huyện Đông Sơn), tỉnh Thanh Hoá, đỗ Bảng nhãn năm 1247, là nhà sử học nổi tiếng thời Trần. Các đoạn văn bình sử của Lê Văn Hưu đều đặt sau những sự kiện hoặc nhân vật được bình, không có đầu đề và được ghi "Lê Văn Hưu viết : ...".

*
* *

1. Về Trưng Vương

Trung Trắc, Trưng Nhị là đàn bà, hò một tiếng mà các quận Cửu Chân, Nhật Nam, Hợp Phố và 65 thành ở Lĩnh ngoại⁽¹⁾ đều hưởng ứng, việc dựng nước xưng vương dễ như trở bàn tay, đủ biết là hình thế đất Việt ta có thể dựng được cơ nghiệp bá vương. Tiếc rằng nối sau họ Triệu⁽²⁾ cho đến trước họ Ngô⁽³⁾, trong khoảng hơn nghìn năm, bọn đàn ông chỉ cúi đầu bó tay, làm tôi tớ cho người phương Bắc, há chẳng xấu hổ với hai chị em họ Trưng là đàn bà ư !... Ôi, có thể gọi đó là tự bỏ mình vậy.



Đền thờ Hai Bà Trưng (xã Mê Linh, huyện Mê Linh, tỉnh Vĩnh Phúc)
(Ảnh : Chu Phúc)

(1) *Lĩnh ngoại* : vùng đất phía ngoài Ngũ Lĩnh, thường dùng để chỉ nước ta.

(2) *Họ Triệu* : Triệu Đà, làm vua nước Nam Việt những năm 208 - 137 trước Công nguyên.

(3) *Họ Ngô* : nhà Ngô, mở đầu là Ngô Quyền.

2. Về Tiên Ngô Vương

Tiên Ngô Vương⁽¹⁾ có thể đem quân mới họp của đất Việt ta mà phá được trăm vạn quân của Lưu Hoàng Thao, mở nước xưng vương, làm cho người phương Bắc không dám lại sang nữa. Có thể bảo là một con giặc⁽²⁾ mà yên được dân, mưu giỏi mà đánh cũng giỏi vậy. Tuy chỉ xưng vương, chưa lên ngôi hoàng đế và đổi niên hiệu mà chính thống của nước Việt ta gần như nối lại được.

3. Về Đinh Tiên Hoàng

Tiên Hoàng tài năng sáng suốt hơn người, dũng lược⁽³⁾ bậc nhất đời, đương lúc nước Việt ta không chủ⁽⁴⁾, các hùng trưởng cát cứ⁽⁵⁾ đánh một lần mà mười hai sứ quân thần phục hết, rồi mở nước, đóng đô, xưng hoàng đế, đặt trăm quan, dựng sáu quân, chế độ gần đủ. Chắc là ý trời vì nước Việt ta lại sinh bậc thánh triết⁽⁶⁾ để tiếp nối chính thống của Triệu Vương chăng ?

4. Về việc ban thưởng

Kể ra, người xưa gọi điếm lành là dùng được người hiền và được mùa thoi, ngoài ra không có cái gì đáng gọi là điếm lành cả. Hướng chi chim quý thú lạ không nuôi ở nước⁽⁷⁾, đó cũng là lời khuyên răn của tiên vương để lại. Thần Tông⁽⁸⁾ nhân Nguyễn Lộc và Nguyễn Tử Khắc dâng hươu trắng, cho là vật điếm lành, cho Lộc chức Đại liêu ban⁽⁹⁾, cho Tử Khắc tước Minh tự⁽¹⁰⁾, thì người thưởng và người nhận thưởng đều không phải cả.

Tại sao ? Thần Tông vì được dâng thú lạ mà cho quan tước, thế là thưởng lạm⁽¹¹⁾, Lộc và Khắc không có công mà nhận thưởng, thế là đối vua.

CAO HUY GIU dịch

(Đại Việt sử ký toàn thư, tập I,

NXB Khoa học xã hội, in lần thứ hai, Hà Nội, 1972)

(1) *Tiên Ngô Vương* : Ngô Quyền, người dựng lại nền độc lập và chủ quyền cho dân tộc ta năm 938.

(2) *Con giặc* : ở đây nói con giặc của Ngô Quyền về việc vua Nam Hán Lưu Cung sai con trai là Lưu Hoàng Thao lợi dụng danh nghĩa cứu Kiều Công Tiễn để xâm lược nước ta.

(3) *Dũng lược* : dũng cảm và mưu lược.

(4) *Không chủ* : chỉ việc Hậu Ngô Vương Xương Văn chết năm 965, họ Ngô bị diệt.

(5) *Các hùng trưởng cát cứ* : chỉ việc mười hai sứ quân chia giữ các vùng sau khi Xương Văn chết.

(6) *Bậc thánh triết* : bậc tài giỏi hơn người.

(7) Câu này lấy trong sách *Thượng thư*, thiên *Lữ Ngao*, ý nói trong nước không nên nuôi các loài vật quý, hiếm ; ngụ ý khuyên răn nhà vua không làm hao phí sức dân.

(8) *Thần Tông* : ở đây là Lí Thần Tông, làm vua những năm 1128 - 1138.

(9) *Đại liêu ban* : chức quan lớn thời bấy giờ.

(10) *Tước Minh tự* : một tước vị thời Lí.

(11) *Lạm* : vượt quá giới hạn.

HƯỚNG DẪN ĐỌC THÊM

1. Lê Văn Hưu đánh giá sự nghiệp của Trung Trác, Trung Nhị như thế nào ? Việc đề cao Hai Bà có ý nghĩa gì ?
2. Hãy trình bày vai trò lịch sử của Tiền Ngô Vương (mở nước, xưng vương, làm cho người Bắc không dám lại sang nữa ; chính thống của nước Việt ta gần như nối lại được) và Đinh Tiên Hoàng (thống nhất đất nước, đóng đô, xưng hoàng đế, đặt trăm quan, dựng sáu quân,...) qua cách nhìn, cách đánh giá của Lê Văn Hưu.
3. Quan niệm của Lê Văn Hưu về "điểm lành", về việc ban thưởng và nhận ban thưởng có gì đáng chú ý ?
4. Những lời bình sử trong bài này thể hiện quan điểm và cách đánh giá của tác giả như thế nào đối với từng nhân vật lịch sử ? Qua đó, anh (chị) thấy người bình sử chân chính phải có những phẩm chất và tài năng gì ?

TRI THỨC ĐỌC - HIỂU

Bình sử

1. *Bình sử* là một mục trong các tác phẩm sử thời xưa, khởi đầu từ thời Tống (Trung Quốc) ghi lại sự đánh giá của sử gia đối với các sự kiện và nhân vật lịch sử.

Trong *Đại Việt sử ký toàn thư*, Lê Văn Hưu có 31 lời bình, bàn về các nhân vật lịch sử liên quan đến sự hưng vong của đất nước. Lê Văn Hưu đã gửi gắm tình yêu nước thương dân và lòng tự hào dân tộc vào lời bình của mình. Qua 31 lời bình còn lại, ta thấy rõ khí phách cũng như quan điểm khen chê thẳng thắn của tác giả. Nối tiếp Lê Văn Hưu, Ngô Sĩ Liên viết 174 lời bình để cập tới 37 vị vua, 46 viên quan triều đình và một số nhân vật lịch sử khác. Lời bình sử của Ngô Sĩ Liên cũng tràn đầy lòng tự hào dân tộc, thấm nhuần tư tưởng đạo đức nhân dân và theo quan niệm tiến bộ của nho gia.

Văn bình sử mang tính chất nghị luận, bộc lộ trực tiếp quan điểm của tác giả. Ngôn ngữ trong văn bình sử ngắn gọn, sắc sảo và đòi hỏi người cầm bút phải có dũng khí.

2. Bốn sự kiện lịch sử được Lê Văn Hưu bình trong bài là :

a) Hai Bà Trưng nổi dậy đánh đuổi Tô Định, lấy được 65 thành ở Lĩnh Nam, tự lập làm vua năm 40 (*Đại Việt sử ký toàn thư*, Sđd, trang 91).

b) Ngô Quyền đánh tan quân Nam Hán trên sông Bạch Đằng, bắt giết Lưu Hoàng Thao, mở ra kỷ nguyên độc lập cho dân tộc năm 938 (Sđd, trang 140).

c) Đinh Bộ Lĩnh dẹp yên mười hai sứ quân, năm 968 lên ngôi hoàng đế, thiết lập triều đình mới (Sđd, trang 154 - 155).

d) Năm 1129, tháng 2, Nguyễn Lộc dâng hươu trắng, được thăng chức Đại liêu ban ; tháng 3, Nguyễn Tử Khắc dâng hươu trắng, được phong tước Minh tự, vì Lí Thần Tông cho đó là điềm lành của đất nước (Sđd, trang 265).